TNLS

# 東京中野日本語学院

TOKYO NAKANO LANGUAGE SCHOOL

◀学院案内▶

(財)日本語教育振興協会認定校

www.tnls.net

# 当学院の特色 Characteristics of TNLS・당 학원의 특색・本学院的特色・ลักษณะเด่นของโรงเรียน・Đặc trưng của trường

## 教師陣 Teachers・강사진・教员阵容・ทีมคณาอาจารย์・Đội ngũ giáo viên

**教師は、大学、大学院をとおして日本語教育を研究してきた若い日本語教師と長年の経験をもち、進学指導でも有能な日本語教師が一丸となって学生の日本語教育を担当いたします。**

Young teachers who have studied Japanese language education throughout university and graduate school and veteran teachers who have long and rich experience in teaching Japanese as well as in academic guidance join forces to help you master Japanese.

강사는, 대학, 대학원 교육을 통해 일본교육을 연구해 온 젊은 일본어선생님과, 오랜 경험을 가지고 진학지도에도 유능한 일본어선생님이 함께 학생의 일본어교육을 담당하십니다.

教员由在大学、大学研究院期间研究日本语教育的年轻的日本语教员和具有长期的丰富经验、在升学指导方面能力出众的日本语教员负责学生的日本语教育。

อาจารย์ของเรามีประสบการณ์ยาวนานในการเป็นครูสอนภาษาญี่ปุ่นที่ยังหนุ่มสาว ผู้ซึ่งได้เคยศึกษาวิจัยด้านการเรียนการสอนภาษาญี่ปุ่นในสมัยที่เรียนในมหาวิทยาลัย หรือบัณฑิตวิทยาลัย อาจารย์ผู้มีความสามารถแม้กระทั่งการชี้แนะเรื่องการศึกษาต่อ จะร่วมใจกัน และรับผิดชอบการสอนภาษาญี่ปุ่นให้แก่นักเรียน

Đảm nhiệm công tác giảng dạy là đội ngũ giáo viên dày dạn kinh nghiệm, có khả năng hỗ trợ học viên định hướng tương lai (học lên hay đi làm) cũng như đội ngũ giáo viên trẻ đã có nghiên cứu về giảng dạy tiếng Nhật tại các trường đại học, cao học.

## 進学進路指導 Academic Guidance for Higher Education・진학진로지도・升学、就业指导・ชี้แนะเรื่องการศึกษาต่อและเส้นทางอาชีพในอนาคต・Hỗ trợ định hướng tương lai

**大学、専門学校の資料を取り揃えており、担当教師による親身で的確な進路相談を行っています。**

Drawing on accumulated information on universities and vocational schools and competent teachers in charge, we provide accurate and encouraging guidance to students wishing to continue their education.

대학, 전문학교의 자료가 구비되어 있으며, 담당강사에 의한 친절하고 알맞은 진로상담을 하고 있습니다.

具有完整的大学、专科学校的资料，负责教员满怀热情地给予就业指导。

โรงเรียนเราได้รวบรวมเอกสารของมหาวิทยาลัยและวิทยาลัยอาชีวศึกษาเอาไว้ อีกทั้งมีการให้คำปรึกษาเกี่ยวกับเส้นทางอาชีพในอนาคตโดยอาจารย์ผู้รับผิดชอบ อย่างเอาใจใส่และตรงประเด็น

Chúng tôi có tài liệu của các trường đại học, trường đào tạo nghề và các giáo viên phụ trách của trường sẽ tận tình tư vấn cho các bạn về định hướng tương lai một cách rõ ràng.

## 生活指導 General Guidance on Life in Japan・생활지도・生活指导・ชี้แนะเรื่องการดำเนินชีวิต・Hỗ trợ sinh hoạt

**日本生活でわからない事、困った事は何でも相談してください。全てのスタッフが親身に相談に応じます。**

Do not hesitate to come and ask anything about your life in Japan. All staff members are here to help make your life in Japan easier and enjoyable.

일본생활에서 모르는 점들, 곤란한 일들은 무엇이든 상담할 수 있습니다. 전 스태프가 친절하게 상담해 드립니다.

在日本的生活中不理解的事情、感到困难的事情请尽情商谈。所有工作人员会给予热心的指导。

หากมีสิ่งที่ไม่เข้าใจในการดำเนินชีวิตที่ญี่ปุ่นหรือเรื่องเดือดร้อนไม่ว่าเรื่องใดๆก็ตาม ขอเชิญมาปรึกษาได้ เจ้าหน้าที่เราทุกคนยินดีให้คำปรึกษาอย่างเอาใจใส่

Hãy tìm đến với chúng tôi nếu các bạn có bất cứ khó khăn hoặc điều gì không hiểu trong cuộc sống sinh hoạt tại Nhật Bản. Tất cả cán bộ, nhân viên của chúng tôi sẽ tận tình giải đáp và tư vấn cho các bạn.

## 課外活動(小旅行、パーティ等あり) Extracurricular Activities (including short trips and parties)・과외활동(여행, 파티 등)・课外活动(小旅行、聚会等)・กิจกรรมนอกชั้นเรียน (มีทริประยะสั้น งานปาร์ตี้ ฯลฯ)・Hoạt động ngoại khóa (dã ngoại, tổ chức tiệc…)

**実際に日本の文化と伝統を体験してもらい、日本での楽しい留学生活を計画しています。**

Based on our belief that hands-on experience with Japanese culture and tradition will make your life in Japan more fulfilling, we plan an array of exciting events.

실제로 일본문화와 전통을 체험하고, 일본에서의 즐거운 유학생활을 보낼 수 있도록 계획하고 있습니다.

实际体验日本文化和传统，计划在日本度过的愉快的留学生活。

นักเรียนจะได้สัมผัสวัฒนธรรมและประเพณีญี่ปุ่นจริงๆ รวมทั้งมีการวางแผนการใช้ชีวิตในประเทศญี่ปุ่นอย่างสนุกสนานเอาไว้

Chúng tôi xây dựng kế hoạch cho các hoạt động ngoại khóa nhằm giúp học viên được trải nghiệm văn hóa và các giá trị truyền thống của Nhật cũng như có một cuộc sống học tập vui vẻ tại Nhật Bản.

## 奨学金制度 Scholarship・장학금제도・奖学金制度・ระบบทุนการศึกษา・Chế độ học bổng

**私費外国人留学生学習奨励費以外にも、当校独自の奨学金制度があり、学業最優秀者に支給します。**

We have our own scholarship program in addition to the self-supporting international student study grant for those students who have demonstrated outstanding academic performance.

사비 외국인 유학생 학습장려비 이외에도 학업 최우수자에게 지급되는 본교의 독자적인 장학금 제도가 있습니다.

除私费外国人留学生学习奖励费以外，本校还设立了独自的奖学金制度，奖励给学习成绩最优秀的学生。

นอกจากค่าใช้จ่ายสนับสนุนสำหรับนักศึกษาต่างชาติ ที่จ่ายเงินมาเรียนเองแล้ว ทางโรงเรียนยังมีระบบทุน การศึกษาของตัวเองซึ่งให้แก่ผู้ที่มีผลการเรียนดีเยี่ยมที่สุด

Ngoài chương trình học bổng dành cho sinh viên tư phí người nước ngoài, còn có chế độ học bổng đặc biệt của trường dành cho học viên có thành tích học tập xuất sắc nhất.

## 課程及び期間

Curriculum and Term・과정 및 기간・课程及时间・หลักสูตรและระยะเวลา・Khóa học và thời gian

| 設置コース Courses・설치코스・设置课程・คอร์สที่เปิดสอน・Khóa học cố định | 2年コース Two-year Course・2년 코스・2年课程・คอร์ส 2 ปี・Khóa 2 năm | 1年9ヶ月コース 1year and 9months course・1년 9개월 코스・1年9个月课程・คอร์ส 1 ปี 9 เดือน・Khóa 1 năm 9 tháng | 1年6ヶ月コース 1year and half course・1년 6개월 코스・1年6个月课程・คอร์ส 1 ปี 6 เดือน・Khóa 1 năm 6 tháng |
|---|---|---|---|
| 入学時期 Months for Admission・입학시기・入学时间・ระยะเวลาที่เข้าศึกษา・Thời gian nhập học | 4月 April・4월・4月・เดือนเมษายน・Tháng 4 | 7月 July・7월・7月・เดือนกรกฎาคม・Tháng 7 | 10月 October・10월・10月・เดือนตุลาคม・Tháng 10 |

| 授業時間帯 School Hours・수업 시간대・授课时间段・ระยะเวลาของชั่วโมงเรียน・Giờ học | 午前の部 Morning session・오전반・上午部・คาบเรียนช่วงเช้า・Buổi sáng | 午後の部 Afternoon session・오후반・下午部・คาบเรียนช่วงบ่าย・Buổi chiều |
|---|---|---|
| | 9:00～12:50 | 13:20～17:10 |

月曜日から金曜日（週5日）1時限は50分授業、1日4時限、2部制

Five days per week from Monday through Friday. 50 minutes per class and four classes per day in two-sessions.・월요일부터 금요일까지(주5일) 1교시는 50분간수업, 1일 4교시, 2부제・从星期一至星期五（每周5天）1课时授课50分钟、1日4课时、2部制・ตั้งแต่วันจันทร์ถึงวันศุกร์ (5 วันต่อสัปดาห์) 1 คาบเท่ากับ 50 นาที, มี 4 คาบต่อ 1 วัน และเป็นระบบการเรียน 2 ช่วง・Học từ thứ 2 đến thứ 6 (tuần 5 buổi), một ngày chia 2 buổi, 4 tiết học, mỗi tiết 50 phút

## カリキュラムの内容

Curriculum・커리큘럼 내용・课程内容・เนื้อหาหลักสูตร・Nội dung chương trình học

### 初級

Elementary・초급・初级・ขั้นต้น・Sơ cấp

**日常生活に必要な会話能力の養成／基本的な日本語文法の指導及び、発音、文字表記の指導**

At this level, you: Develop your Japanese speaking ability required in daily life. Learn basic Japanese grammar, pronunciation, and how to write Japanese alphabets

일상생활에 필요한 회화능력 양성　기본적인 일본어문법 지도 및 발음, 문자표기 지도

日常生活必需的会话能力的培养　基本的日本语语法的指导及发音、文字表示的指导

เสริมสร้างความสามารถการสนทนา ที่จำเป็นต่อการดำเนินชีวิตประจำวัน สอนไวยากรณ์ภาษาญี่ปุ่นพื้นฐาน การออกเสียง และการเขียนตัวอักษร

Trang bị và phát triển kỹ năng hội thoại cần thiết cho cuộc sống sinh hoạt hàng ngày

Giảng dạy ngữ pháp tiếng Nhật cơ bản, phát âm, chữ viết

### 中級

Intermediate・중급・中级・ขั้นกลาง・Trung cấp

**やや高度の文法指導／作文やレポートなどの作成能力の養成／場面による運用、表現の練習／日本事情、日本文化の理解**

At this level, you: Learn relatively higher grammar Develop your ability to write compositions and papers Practice situational conversation and expressions Enhance your understanding of Japanese conditions and culture

어느정도 고급의 문법 지도　작문과 레포트 등의 작성능력 양성　상황에 따른 활용, 표현 습득　일본사정, 일본문화의 이해

略微高度的语法指导　作文及报告等的写作能力的培养　基于场面的运用、表达的练习　日本事情、日本文化的理解

สอนไวยากรณ์ขั้นที่สูง ขึ้นมาเล็กน้อย เสริมสร้างความสามารถในการเขียน เรียงความหรือรายงาน ฯลฯ

ฝึกใช้ภาษาตามสถานการณ์ และฝึกการใช้สำนวนต่างๆ มีความเข้าใจในเรื่องญี่ปุ่นศึกษา และวัฒนธรรมญี่ปุ่น

Giảng dạy ngữ pháp ở mức độ tương đối khó/Phát triển kỹ năng viết như viết văn, viết báo cáo…

Luyện tập khả năng vận dụng, thể hiện trong các văn cảnh khác nhau/Hiểu biết về đất nước, văn hóa Nhật Bản

### 上級

Advanced・상급・高级・ขั้นสูง・Cao cấp

**テレビ・ラジオなどの情報を聞き取る聴解力の徹底指導／新聞・雑誌などの読解力の徹底指導／高度な会話力及び、表現力の養成／大学などに適用できる総合的な日本語運用能力及び、論文作成能力の養成／高度の文法能力と表現力の指導**

At this level, you: Develop listening skills that enable you to understand TV or radio broadcast Develop reading skills that enable you to read and understand newspapers and magazines Acquire advanced speaking and expression skills Enhance overall Japanese management skills to the level required for university work and develop your ability to write papers Learn advanced grammar and expressions

텔레비전, 라디오 등의 정보를 듣고 이해하는 청해력을 철저히 지도　신문, 잡지 등의 독해력을 철저히 지도　고도의 회화력 및 표현력 양성　대학 등에서 적용할 수 있는 종합적인 일본어활용능력 및 논문작성능력 양성　고도의 문법능력과 표현력 지도

能够听懂电视、收音机等信息的听力的彻底指导　报纸、杂志等阅读能力的彻底指导　高度的会话能力及表达力的培养　能够在大学等使用的综合性日本语运用能力及论文写作能力的培养　高度的语法能力和表达能力的指导

สอนให้สามารถฟังและจับใจความ ข้อมูลจากโทรทัศน์ วิทยุ ฯลฯ อย่างเต็มที่ สอนให้สามารถอ่านหนังสือพิมพ์ นิตยสาร ฯลฯ อย่างเต็มที่

เสริมสร้างความสามารถการสนทนาในระดับสูง และความสามารถในการใช้สำนวนต่างๆ

เสริมสร้างความสามารถในการฝึกใช้ภาษาญี่ปุ่นแบบองค์รวม

รวมทั้งความสามารถในการเขียนรวมบุงซึ่งสามารถนำไปใช้ ในการเรียนที่มหาวิทยาลัย ฯลฯ ได้

สอนให้มีความสามารถด้านไวยากรณ์และ ความสามารถในการใช้สำนวนระดับสูงได้

Giảng dạy một cách cặn kẽ, kỹ lưỡng kỹ năng nghe hiểu tin từ ti vi, đài phát thanh…

Giảng dạy một cách cặn kẽ, kỹ lưỡng kỹ năng đọc hiểu báo, tạp chí…

Phát triển khả năng hội thoại và trình bày ở trình độ cao

Phát triển khả năng vận dụng tiếng Nhật tổng hợp và năng lực viết luận văn để tạo điều kiện thuận lợi cho việc học ở đại học sau này/Giảng dạy ngữ pháp, các cách nói ở mức độ khó ộ khó

# 周辺の環境 Surrounding Environment・주변환경・周围的环境・สิ่งแวดล้อมรอบข้าง・Môi trường xung quanh

## 当学院は新宿副都心から徒歩25分ほどの所にあり、周辺は、小学校や大学、また、閑静な住宅街が並ぶ文教地帯です。静かな環境で勉学に専念できます。

Our school is located within a 25-minute walk from Shinjuku, a subcenter of Tokyo, in a quiet residential and academic environment surrounded by schools and universities. This favorable environment serves to promote your study.

당 학원은 신주쿠 부도심에서 도보 25분 정도의 거리에 위치해 있으며, 주변은, 초등학교, 대학교와, 그리고, 한적하고 고요한 주택가가 늘어선 문화교육지구입니다. 조용한 환경에서 면학에 전념할 수 있습니다.

本学院位于从新宿副都心步行25分钟左右即可抵达的位置，周围有小学校、大学、清静的住宅街，是一个理想的文教地带。为专心学习提供安静的环境。

โรงเรียนแห่งนี้ตั้งอยู่ในสถานที่ซึ่งห่างจากชานเมืองชินจุกุ เดินราว 20 นาที บริเวณรอบข้างเป็นเขตการศึกษาที่มีทั้ง โรงเรียนประถมศึกษา มหาวิทยาลัย รวมทั้งเขตที่อยู่อาศัย อันเงียบสงบตั้งเรียงรายอยู่ นักเรียนจึงสามารถทุ่มเทให้กับ การเรียนในสิ่งแวดล้อมอันสงบเงียบนี้ได้

Trường tọa lạc tại khu dân cư yên tĩnh, có trường tiểu học, đại học… và mất khoảng 20 phút đi bộ từ ga Shinjuku Fukutoshin. Học viên có thể tập trung học tập tại một môi trường yên tĩnh.

School building ・교사

### 校舎

**新宿副都心**
Shinjuku subcenter
신주쿠 부도심・新宿副都心・
ชานเมืองชินจุกุ・Shinjuku Fukutoshin

**中野坂上**
Nakanosakaue
나카노자카우에・中野坂上
นากาโนะซากาอุเอะ・Nakano-sakaue

### 教室

Classrooms・교실・教室・ห้องเรียน・Phòng học

**明るく広い教室で楽しく授業が受けられます。**
Bright, spacious rooms ensure pleasant learning.
밝고 넓은 교실에서 즐겁게 수업을 받을 수 있습니다.
在明亮宽敞的教室里愉快地听课。
เป็นห้องเรียนที่สว่างและกว้างขวาง สามารถเรียนได้อย่างสนุกสนาน
Học viên được tham gia các giờ học vui nhộn tại các phòng học rộng rãi, thoáng mát.

### 図書室

Library・도서실・图书馆・ห้องสมุด・Thư viện

**日本語教材・参考書・小説多数取り揃えております。**
It holds a wealth of Japanese language materials, reference books, and novels.
일본어교재, 참고서, 소설 등 다수 구비되어 있습니다.
准备有完整的日本语教材、参考书、小说。
มีตำราภาษาญี่ปุ่น หนังสืออ้างอิง และหนังสือนิยายต่างๆเป็นจำนวนมากรวบรวมเอาไว้อยู่
có trưng bày nhiều loại sách giáo khoa tiếng Nhật, sách tham khảo, tiểu thuyết…

### 談話室

Lounge・담화실・谈话室・ห้องพูดคุยสนทนา・Phòng thảo luận

**学生の交流の場として使っていただきます。**
This is a place you can get together with your classmates and have a break from your study.
학생들의 교류의 장으로 사용할 수 있습니다.
作为学生的交流场所使用。
เป็นห้องที่ใช้เพื่อพูดคุย แลกเปลี่ยนระหว่างนักเรียนด้วยกัน
Học viên có thể sử dụng nơi đây để trò chuyện, giao lưu.

## 各クラスのレベルにあわせて、話す、聞く、読む、書くの総合的な授業内容で、大学、大学院、専門学校の授業にも対応できる日本語能力を習得していきます。また、日本語能力試験や日本留学試験にも対応する授業を行います。

We offer unique and comprehensive Japanese learning experience that is tailored to each class level and covers everything from speaking and listening to reading and writing. Our curriculum provides classes not only to enhance your Japanese language ability to the level required by a university, graduate school, or vocational school, but also to prepare for the Japanese Language Proficiency Test and the Examination for Japanese University Admission for International Students.

각 클래스의 레벨에 맞추어, 말하기, 듣기, 읽기, 쓰기의 종합적인 수업내용으로, 대학, 대학원, 전문학교의 수업을 수학할 수 있는 일본어능력을 습득해 갑니다. 또한, 일본어능력시험과 일본유학시험을 위한 수업도 진행합니다.

根据各班级的水准，通过读、写、听、说的综合性授课内容，学习能够在大学、研究生院、专科学校听讲的日本语能力。另外，还教授应对日本语能力考试及日本留学考试的课程。

มีเนื้อหารายวิชาแบบองค์รวมทั้งฟัง พูด อ่าน เขียน ซึ่งจะปรับให้เข้ากับความสามารถในแต่ละคลาส รวมทั้งผู้เรียนจะมีความสามารถภาษาญี่ปุ่น ซึ่งสามารถนำไปใช้กับวิชาเรียนในมหาวิทยาลัย บัณฑิตวิทยาลัย และโรงเรียนอาชีวศึกษาได้ นอกจากนี้ ยังมีวิชาสำหรับติวการสอบวัดระดับ ความสามารถภาษาญี่ปุ่น และการสอบเพื่อศึกษา ต่อที่ประเทศญี่ปุ่นอีกด้วย

Thông qua các giờ học tổng hợp các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, phù hợp với trình độ của từng lớp, học viên sẽ được trang bị năng lực tiếng Nhật có thể vận dụng trong các giờ học tại đại học, cao học hay các trường đào tạo nghề trong tương lai. Ngoài ra, chúng tôi cũng tổ chức các giờ học luyện thi năng lực tiếng Nhật, thi du học Nhật Bản (EJU).

# 年間スケジュール

School Schedule・연간 스케줄・年度时间表・กำหนดการของทั้งปี・Kế hoạch hàng năm

**4月** 入学式(4月生)　歓迎会　花見等
Entrance Ceremony (April class), Welcome Party, Cherry-blossom Viewing
입학식（4월생），환영회，꽃놀이 등・入学典礼（4月生） 欢迎会 赏樱花等・
เมษายน พิธีเข้าศึกษา (นักเรียนรอบเดือนเมษายน) งานเลี้ยงต้อนรับ การชมดอกไม้ ฯลฯ・Lễ nhập học (học viên nhập học tháng 4) Tiệc chào mừng Lễ ngắm hoa…

**5月** ゴールデンウィーク　進路指導　都庁見学等
Golden Week, Career Guidance, Visit to Tokyo Metropolitan Government Building
골든위크，진로 지도，도청 견학 등・黄金周 升学指导 都政府参观等・
พฤษภาคม วันหยุดยาวโกลเด้นวีค ชี้แนะเรื่องเส้นทางอาชีพในอนาคต ทัศนศึกษาที่ศาลาว่าการกรุงโตเกียว ฯลฯ・Tuần lễ vàng (Golden week) Hỗ trợ định hướng tương lai Tham quan thủ đô…

**6月** 日本留学試験　富士急ハイランド等
Examination for Japanese University Admission for International Students, Visit to Fuji-Q Highland
일본유학시험，후지큐 하이랜드 등・日本留学考试 富士急游乐园等・
มิถุนายน การสอบสำหรับเพื่อศึกษาต่อที่ประเทศญี่ปุ่น สวนสนุกฟูจิคิวไฮแลนด์ ฯลฯ・Kỳ thi du học Nhật Bản Chuyến du lịch Fuji－Q Highland

**7月** 入学式(7月生)　夏休み(7月下旬～)　七夕祭り　小旅行(海等)
Entrance Ceremony (July class), Summer Vacation (from late July), Star Festival, short trip (to the beach, etc.)
입학식（7월생），여름방학（7월 하순～），칠석제，미니 여행（바다 등）・入学典礼（7月生） 暑假（7月下旬～） 七夕节 短途旅行（海边等）・
กรกฎาคม พิธีเข้าศึกษา(นักเรียนรอบเดือนกรกฎาคม) ปิดเทอมภาคฤดูร้อน (ตั้งแต่ปลายเดือนกรกฎาคมเป็นต้นไป) เทศกาลทานาบาตะ ทริประยะสั้น (ทริปทะเล ฯลฯ)・
Lễ nhập học (học viên nhập học tháng 7) Nghỉ hè (từ hạ tuần tháng 7) Lễ hội Tanabata Du lịch (biển…)

**8月** 夏休み(～8月中旬)
Summer Vacation (up to mid-August)
여름방학（～8월 중순），暑假（～8月中旬）・
สิงหาคม ปิดเทอมภาคฤดูร้อน (ตั้งแต่กลางเดือนสิงหาคมเป็นต้นไป)・Nghỉ hè (từ trung tuần tháng 8)

**9月** 学期末試験　進路指導
Final Exam, Career Guidance
학기말시험，진로 지도・学期期末考试 升学指导・
กันยายน สอบปลายภาค ชี้แนะเรื่องเส้นทางอาชีพในอนาคต・Thi hết học kỳ Hỗ trợ định hướng tương lai

**10月** 秋休み　入学式(10月生)
Fall Break, Entrance Ceremony (October class)
가을방학，입학식（10월생）・秋假 入学典礼（10月生）・
ตุลาคม ปิดเทอมภาคฤดูใบไม้ร่วง พิธีเข้าศึกษา (นักเรียนรอบเดือนตุลาคม)・Nghỉ thu Lễ nhập học (học viên nhập học tháng 10)

**11月** 日本留学試験　小旅行(東京ディズニーランド等)
Examination for Japanese University Admission for International Students, a short trip (to Tokyo Disneyland, etc.)
일본유학시험，미니 여행（도쿄디즈니랜드 등）・日本留学考试 短途旅行（东京迪士尼乐园等）・
พฤศจิกายน การสอบเพื่อศึกษาต่อที่ประเทศญี่ปุ่น ทริประยะสั้น (โตเกียวดิสนีย์แลนด์ ฯลฯ)・Kỳ thi du học Nhật Bản Du lịch (Tokyo Disneyland…)

**12月** 日本語能力試験　クリスマスパーティー
Japanese Language Aptitude Test, Christmas Party
일본어능력시험，크리스마스 파티・日语能力考试 圣诞节派对・
ธันวาคม การสอบวัดระดับความสามารถภาษาญี่ปุ่น ปาร์ตี้วันคริสต์มาส・Kỳ thi năng lực tiếng Nhật Tiệc giáng sinh

**1月** 冬休み(12月下旬～1月上旬)　正月体験
Winter Vacation (from late December to early January), Experience of New Year in Japan
겨울방학（12월 하순～1월 상순），정월 체험・寒假（12月下旬～1月上旬） 新年体验・
มกราคม ปิดเทอมภาคฤดูหนาว (ปลายเดือนธันวาคมจนถึงต้นเดือนมกราคม) สัมผัสประสบการณ์วันขึ้นปีใหม่・Nghỉ đông (hạ tuần tháng 12 ~ thượng tuần tháng 1) Trải nghiệm Tết

**2月** 節分　小旅行(スキー等)
Setsubun (the day before the beginning of spring), a short trip (ski trip, etc.)
절분，미니 여행（스키 등）・节分（撒豆驱鬼节） 短途旅行（滑雪等）・
กุมภาพันธ์ วันก่อนหน้าวันเริ่มเข้าสู่ฤดูใบไม้ผลิราววันที่ 3 ก.พ. (Setsubun) ทริประยะสั้น (สกี ฯลฯ)・Lễ Xuân phân Du lịch (trượt tuyết…)

**3月** 学期末試験　卒業式　春休み
Final Exam, Graduation Ceremony, Spring Vacation
학기말시험．졸업식，봄방학・学期期末考试 毕业典礼 春假・
มีนาคม สอบปลายภาค พิธีสำเร็จการศึกษา ปิดเทอมภาคฤดูใบไม้ผลิ・Thi hết học kỳ Lễ tốt nghiệp Nghỉ xuân

## ■保養施設・Resort Facility

휴양시설・休养设施・สถานที่สำหรับการพักผ่อนหย่อนใจ・Cơ sở nghỉ dưỡng

本学院は、ノーベル文学賞受賞作家、川端康成の作品『雪国』で有名な越後湯沢に保養施設を持っています。越後湯沢は、古くから有名な温泉町として知られています。この保養施設には、温泉大浴場が完備されており、冬はスキーに、夏は避暑に最適です。本学院の学生なら誰でもご利用いただけます。

Our school owns a hot spring resort facility in Echigoyuzawa, which is a famous place for Yukiguni written by a Nobel laureate, Yasunari Kawabata. Echigoyuzawa is long known as one of famous spas in Japan, and the TNLS's facility is also accommodated with a large hot spring bath. It is the best place for skiing in winter and to get relief from the heat in summer. Any TNLS student is welcome to take advantage of this facility.

본 학원은, 노벨문학상수상작가, 카와바타 야스나리의 작품 『설국(雪国)』으로 유명한 에치고유자와 (越後湯沢)에 휴양시설을 소유하고 있습니다. 에치고유자와 (越後湯沢)는, 오래 전부터 유명한 온천지역으로 알려져 있습니다. 이 휴양시설에는, 온천대욕장이 완비되어 있고, 겨울에는 스키를, 여름에는 피서를 즐기기에 최고입니다. 본 학원의 학생이라면 누구나 이용할 수 있습니다.

本学院在诺贝尔文学奖获得者---川端康成的作品《雪国》中著名的越后汤泽拥有休养设施。越后汤泽从古时起就作为温泉町闻名遐迩。该休养设施具有完善的温泉大浴场，是冬季滑雪、夏季避暑的理想之地。只要是本学院的学生就可以利用该休养设施。

โรงเรียนแห่งนี้มีสถานที่สำหรับการพักผ่อนหย่อนใจ อยู่ที่เอจิโกะยุสาวะอันโด่งดังอยู่ใน "เมืองหิมะ" ผลงานของคาวาบาตะ ยาซูนาริ นักเขียนที่ได้รับรางวัล โนเบลสาขาวรรณกรรม เอจิโกะยุสาวะ เป็นที่รู้จักกันดีว่าเป็นเมืองออนเซ็นที่โด่งดัง มาตั้งแต่อดีต สถานที่สำหรับการพักผ่อนหย่อนใจแห่งนี้ มีบ่ออาบน้ำรวมออนเซ็นขนาดใหญ่อยู่ ในฤดูหนาวก็เหมาะกับการเล่นสกี ส่วนฤดูร้อนก็เหมาะกับเป็นที่หลบหลีกความร้อน ไม่ว่าใครก็ตามที่เป็นนักเรียนของโรงเรียนเราจะสามารถ มาใช้สถานที่แห่งนี้ได้

Trường có cơ sở nghỉ dưỡng tại Echigo Yuzawa, địa điểm nổi tiếng trong tác phẩm "Yukiguni - Xứ tuyết" của Yasunari Kawabata, nhà văn đoạt giải thưởng Nobel văn học. Echigo Yuzawa từ xa xưa đã được biết đến như một thị trấn nổi tiếng về suối nước nóng. Cơ sở nghỉ dưỡng của trường được trang bị hệ thống tắm suối nước nóng, rất thích hợp để đi trượt tuyết vào mùa đông và nghỉ mát vào mùa hè. Mọi học viên của trường đều có thể sử dụng cơ sở nghỉ dưỡng này.